

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH TUỜNG
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 12 năm 2020
"V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VINH TUỜNG, TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Khang

2. Ông Nguyễn Thái Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vinh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 258/2020/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị T, sinh năm 1988; trú tại: Thôn C, xã B, huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc, (Có mặt).

Bị đơn: Anh Lê Trung K, sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã B, huyện Vinh Tường, tỉnh Vinh Phúc. Hiện đang chấp hành án tại: Trại giam Vinh Quang; địa chỉ: Xã Đ, huyện Tam Đảo, tỉnh Vinh Phúc, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Trung K kết hôn ngày 29/10/2012. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh K. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Được thời gian rất ngắn thì anh K không chịu khó làm ăn, ham chơi, lêu lổng. Chị đã khuyên bảo động viên rất nhiều mong anh K thay đổi để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng anh K không thay đổi mà ngày càng ham chơi, dẫn đến nghiện ma túy. Đầu năm 2020 anh K bị bắt về tội tàng trữ

trái phép chất ma túy. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường tuyên phạt 18 tháng tù, hiện anh K đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang. Trước khi anh K bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy thì tình cảm vợ chồng chị và anh K đã lạnh nhạt, dần nứt, không quan tâm đến nhau nữa. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị xin ly hôn anh K. Hiện tại chị không có thai.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Lê Quang M, sinh ngày 10/5/2013, hiện cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, không yêu cầu anh K phải chấp dưỡng nuôi con chung. Chị đang ở cùng nhà bố mẹ đẻ và chị đang làm nghề buôn bán thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng. Chị có đủ khả năng và gia đình chị cũng hỗ trợ để chị nuôi dưỡng chăm sóc cháu M.

Về tài sản, công nợ, công sức, đất canh tác: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn - anh Lê Trung K vắng mặt tại Tòa, nhưng tại Bản tự khai ngày 06/11/2020 anh K trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày là đúng. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý ly hôn chị T. Việc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường thụ lý giải quyết vụ án, anh không thắc mắc gì về thẩm quyền. Anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt.

Về con chung: Anh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Quang M, sinh ngày 10/5/2013, hiện cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn anh nhất trí để chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M. Do anh đang chấp hành án tại Trại giam nên không thể cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản, công nợ, đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường, được biết: Anh K và chị T đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc ngày 29/10/2012. Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh K. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc nên anh chị đã có 01 con chung. Sau một khoảng thời gian chung sống thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh K cờ bạc, nghiện hút đến năm 2020 thì bị bắt và hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang. Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Lê Quang M, sinh ngày 10/5/2013, hiện cháu đang ở cùng chị T. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh K và xin nuôi con, Ủy ban nhân dân xã B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi tốt nhất cho các đương sự và cho cháu M.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06 tháng 11 năm 2020, cháu Lê Quang M trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; thời hạn gửi quyết định xét xử chưa đảm bảo; người tham gia tố tụng chị T đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, anh K là bị đơn hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Vĩnh Quang, xã Đ, huyện Tam Đảo nhưng anh K đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt anh.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Cho chị Dương Thị T được ly hôn anh Lê Trung K. Về con chung: Giao cháu Lê Quang M, sinh ngày 10/5/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Lê Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác và công sức: Chị T, anh K không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Dương Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Dương Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Lê Trung K, có hộ khẩu tại: Thôn C, xã B, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đối với anh Lê Trung K: Hiện nay đang chấp hành án tại Trại tạm giam Vĩnh Quang, xã Đ, huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc. Anh K đã có Bản tự khai, có Đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường giải quyết, xét xử vắng mặt. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị T và anh Lê Trung K đăng ký kết hôn ngày 29/10/2012, tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Vĩnh Tường. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh K là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa chị T và anh K thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa chị T và anh K có rất nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân như chị T trình bày do anh K không chịu khó làm ăn, ham chơi, lêu lổng. Chị T đã khuyên bảo động viên nhiều nhưng anh K không thay đổi mà ngày càng ham chơi dẫn đến nghiện ma túy. Hai vợ chồng không còn tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, va chạm. Tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đầu năm 2020 anh K bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường tuyên phạt 18 tháng tù và hiện anh K đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang.

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi anh K có hộ khẩu cho biết: Anh K và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và hợp pháp. Sau một khoảng thời gian chung sống thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh K cờ bạc, nghiện hút đến năm 2020 thì bị bắt và hiện đang chấp hành án tại trại giam Vĩnh Quang. Việc chị T xin ly hôn và các mối quan hệ khác trong vụ án, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại Bản tự khai ngày 06 tháng 11 năm 2020, anh K cũng thừa nhận anh và chị T mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn tiếng nói chung nên chị T xin ly hôn anh hoàn toàn nhất trí. Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị T xin ly hôn anh K là chính đáng, phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh K có 01 con chung là cháu Lê Quang M, sinh ngày 10/5/2013, hiện cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn anh K nhất trí để chị T nuôi cháu M. Hiện tại cháu M đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ là chị T. Theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc nuôi con sau khi ly hôn là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Do đó để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt cho cháu M, cần giao cháu M cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con chung chị T không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Chị T, anh K không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 31/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Dương Thị T được ly hôn anh Lê Trung K.
2. Về nuôi con chung: Chị Dương Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Quang M, sinh ngày 10/5/2013, hiện cháu đang ở cùng chị T.

Anh Lê Trung K không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức lao động, đất nông nghiệp: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Dương Thị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005138 ngày 07 tháng 10 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường. Chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo bản án: Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường.
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Hoàng Thị Quỳnh